

**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TỪ NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM  | LỚP                                            | TÊN MÔN THI                         | HỌ LÓT            | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P | PHÒNG | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------|------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|----------|------------|--------|--------|-------|---------|
| 1   | MSET321145 | 02A   | 18642SP2                                       | Ứng dụng Matlab trong kỹ thuật điện | Nguyễn Vinh       | Quan     | 03/02/2020 | 5      | 48     | A 209 |         |
| 2   | MSET321145 | 02A   | 18642SP2                                       | Ứng dụng Matlab trong kỹ thuật điện | Nguyễn Vinh       | Quan     |            | 5      | 17     | A 316 |         |
|     |            | 02ADT | 17642SP1<br>18642SP1                           |                                     |                   |          |            |        | 3      |       |         |
| 3   | ADFA413807 | 01A   | 1865SP2                                        | Kế toán tài chính nâng cao          | Nguyễn Thị Phương | Dung     |            |        | 15     |       |         |
| 4   | PFCO320232 | 01A   | 17547SP2                                       | Bơm - Quạt - Máy nén                | Lại hoài          | Nam      |            | 5      | 43     | A 111 |         |
| 5   | ICEP330330 | 01A   | 18845SP2                                       | Nguyên lý động cơ đốt trong         | Lý Vĩnh           | Đạt      |            | 5      | 38     | A 210 |         |
| 6   | PRMA420819 | 02ADT | 18649SP1<br>17649TKS1                          | Quản lý dự án                       | Nguyễn Thanh      | Tú       |            |        | 4      |       |         |
| 7   | PRMA420819 | 02A   | 18646SP2                                       | Quản lý dự án                       | Nguyễn Thanh      | Tú       |            | 5      | 49     | A 211 |         |
| 8   | PSAS430845 | 05A   | 16542SP3                                       | Giải tích & mô phỏng hệ thống điện  | Nguyễn            | Thới     | 04/02/2020 | 5      | 11     | A 211 |         |
|     |            |       | 18842SP2B                                      |                                     |                   |          |            |        | 34     |       |         |
| 9   | PSAS430845 | 05A   | 18A42SP2                                       | Giải tích & mô phỏng hệ thống điện  | Nguyễn            | Thới     |            | 5      | 8      | A 111 |         |
|     |            |       | 18842SP2A                                      |                                     |                   |          |            |        | 30     |       |         |
|     |            | 05ADT | 17642BTH2<br>17842SP2<br>18642SP1<br>18642SP2A |                                     |                   |          |            |        | 9      |       |         |
| 10  | FLUI220130 | 02A   | 18843SP2                                       | Cơ học lưu chất ứng dụng            | Nguyễn Xuân       | Viên     |            | 5      | 45     | A 209 |         |
| 11  | FLUI220130 | 02A   | 17443SP2                                       | Cơ học lưu chất ứng dụng            | Nguyễn Xuân       | Viên     |            | 5      | 8      | A 210 |         |
|     |            |       | 17543SP2                                       |                                     |                   |          |            |        | 31     |       |         |
|     |            | 02ADT | 18643SP1                                       |                                     |                   |          |            |        | 5      |       |         |
| 12  | EEMA320544 | 01A   | 18542SP2                                       | Vật liệu điện-điện tử               | Phạm Xuân         | Hồ       |            | 5      | 41     | A 316 |         |
| 13  | OPTE322925 | 02A   | 18843SP2                                       | Tối ưu hóa trong kỹ thuật           | Quách Văn         | Thêm     | 05/02/2020 | 5      | 45     | A 209 |         |
| 14  | OPTE322925 | 02A   | 17443SP2                                       | Tối ưu hóa trong kỹ thuật           | Quách Văn         | Thêm     | 05/02/2020 | 5      | 8      | A 210 |         |
|     |            |       | 17543SP2                                       |                                     |                   |          |            |        | 31     |       |         |

**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TỪ NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM  | LỚP                                                                                                           | TÊN MÔN THI                 | HỌ LÓT            | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P  | PHÒNG | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------------|--------|---------|-------|---------|
|     |            | 02ADT | 18643SP2B<br>18643SP1<br>17643SP1                                                                             |                             |                   |          |            |        | 4       |       |         |
| 15  | ACSY330346 | 02A   | 18A42SP2                                                                                                      | Hệ thống điều khiển tự động | Vũ Văn            | Phong    |            | 5      | 25      | A 111 |         |
|     |            | 02ADT | 18842SP2B<br>16542297<br>16642SP3<br>17642SP1<br>17842SP2<br>18642LTT1<br>18642TDT2<br>18842SP2A<br>18842SP2B |                             |                   |          |            |        |         |       |         |
| 16  | ADCA422007 | 01A   | 1865SP2                                                                                                       | Kế toán chi phí nâng cao    | Nguyễn Thị Phương | Dung     |            |        | 15      |       |         |
| 17  | ELPS330345 | 02A   | 17442SP2                                                                                                      | Cung cấp điện               | Lê Trọng          | Nghĩa    |            | 5      | 10<br>7 | A 317 |         |
|     |            | 02ADT | 16542SP3<br>17A42SP2<br>158542KH3<br>16842DN3<br>17842SP2                                                     |                             |                   |          |            |        |         |       |         |
| 18  | DIGI330163 | 01ADT | 18642SP2B<br>18642TDT2<br>16542SP3<br>17642SP2A<br>17A42SP2<br>18642SP2B                                      | Kỹ thuật số                 | Nguyễn Thanh      | Nghĩa    |            |        | 18      | A 317 |         |
| 19  | DIGI330163 | 01A   | 18542SP2                                                                                                      | Kỹ thuật số                 | Nguyễn Thanh      | Nghĩa    |            | 5      | 41      | A 211 |         |
| 20  | MATH132401 | 07A   | 19841SP2<br>19843SP2L<br>19846SP2<br>19849SP2                                                                 | Toán 1                      | Trần Minh         | Hiền     | 05/02/2020 | 5      | 44      | A 113 |         |
| 21  | EFAE327031 | 03A   | 18845SP2                                                                                                      | Anh văn chuyên ngành        | Trần Đình         | Quý      |            |        | 38      |       |         |



**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TỪ NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM         | LỚP                                                                      | TÊN MÔN THI                                | HỌ LÓT       | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P  | PHÒNG | GHI CHÚ |
|-----|------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|----------|------------|--------|---------|-------|---------|
|     |            | 03ADT        | 17645SP2A<br>17845SP2<br>18645SP2B<br>18645SP2A<br>18645LTT1<br>18645SP1 |                                            |              |          |            | 6      | 28      | A 113 |         |
| 22  | PSDE443145 | 03A          | 18642SP2B                                                                | Chuyên đề TN 3<br>(TK hệ thống điện)       | Phạm Xuân    | Hồ       |            | 6      | 27      | A 111 |         |
| 23  | STME240121 | 02A          | 18849SP2                                                                 | Cơ học kết cấu                             | Lê Trung     | Kiên     |            |        | 13      |       |         |
| 24  | PSDE443145 | 03A          | 18642SP2B                                                                | Chuyên đề TN 3<br>(TK hệ thống điện)       | Phạm Xuân    | Hồ       |            | 6      | 30      | A 317 |         |
| 25  | DIVI331563 | 01A          | 18641SP2                                                                 | Truyền hình số                             | Nguyễn Duy   | Thảo     |            | 6      | 47      | A 209 |         |
| 26  | HEAT220332 | 01A          | 18847SP2                                                                 | Truyền nhiệt                               | Nguyễn Thành | Luân     |            | 6      | 38      | A 210 |         |
| 27  | HBS421217  | 01ADT        | 16649TKS2<br>17649SP2<br>17649TKS1<br>18649SP1                           | Kết cấu nhà cao tầng                       | Ngô Việt     | Dũng     |            |        | 5       |       |         |
| 28  | HBS421217  | 01A          | 18646SP2                                                                 | Kết cấu nhà cao tầng                       | Ngô Việt     | Dũng     |            | 6      | 49      | A 211 |         |
| 29  | PJMA322345 | 02A          | 18642SP2                                                                 | Quản lý dự án                              | Lưu Văn      | Quang    | 06/02/2020 | 5      | 48      | A 210 |         |
| 30  | PJMA322345 | 02A          | 18642SP2                                                                 | Quản lý dự án                              | Lưu Văn      | Quang    | 06/02/2020 | 5      | 17      | A 316 |         |
|     |            | 02ADT        | 17642SP1<br>18642SP1                                                     |                                            |              |          |            |        | 3       |       |         |
| 31  | RCBS332417 | 02A          | 18849SP2                                                                 | Kết cấu công trình BTCT                    | Nguyễn Văn   | Hậu      |            |        | 13      |       |         |
|     |            | 02ADT        | 18649SP1                                                                 |                                            |              |          |            |        | 1       |       |         |
| 32  | PSCD422317 | 01A<br>01ADT | 18646SP2<br>17649TKS1                                                    | Thiết kế kết cấu bê tông<br>ứng suất trước | Phạm Đức     | Thiện    |            | 5      | 49<br>1 | A 209 |         |
| 33  | POSY330445 | 04A          | 17542SP2                                                                 | Hệ thống điện                              | Lê Công      | Thành    |            | 5      | 17      | A 211 |         |

**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TỪ NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM  | LỚP       | TÊN MÔN THI                 | HỌ LÓT       | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P | PHÒNG | GHI CHÚ |
|-----|------------|-------|-----------|-----------------------------|--------------|----------|------------|--------|--------|-------|---------|
|     |            |       | 18842SP2A |                             |              |          |            |        | 30     |       |         |
| 34  | POSY330445 | 04A   | 18A42SP2  | Hệ thống điện               | Lê Công      | Thành    |            | 5      | 8      | A 111 |         |
|     |            |       | 18842SP2B |                             |              |          |            |        | 34     |       |         |
|     |            | 04ADT | 18642SP2A |                             |              |          |            |        | 4      |       |         |
|     |            |       | 16542SP3  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 16842SP3  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 18642SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 35  | PHYS130902 | 07A   | 19810SP2  | Vật lý 1                    | Lê Thị Thu   | Hà       | 10/02/2020 | 5      | 48     | A 210 |         |
|     |            |       | 19845SP2L |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19847SP2L |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 36  | PHYS130902 | 08A   | 19542SP2  | Vật lý 1                    | Lê Thị Thu   | Hà       |            | 5      | 42     | A 209 |         |
|     |            |       | 19843SP2L |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 37  | PHYS130902 | 08A   | 19545SP2  | Vật lý 1                    | Lê Thị Thu   | Hà       |            | 5      | 38     | A 109 |         |
|     |            |       | 19841SP2  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19846SP2  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19849SP2  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 38  | MATH132501 | 03A   | 19445SP1  | Toán 2                      | Lê Công      | Nhàn     |            | 5      | 38     | A 316 |         |
| 39  | MATH132501 | 3A    | 19447SP1  | Toán 2                      | Lê Công      | Nhàn     |            | 5      | 31     | A 211 |         |
|     |            |       | 19449SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 40  | READ220435 | 01A   | 19850SP2  | Đọc 4                       | Sử Thị Ái    | Mỹ       | 10/02/2020 | 5      | 15     | A 211 |         |
| 41  | MATH132401 | 06A   | 19845SP2L | Toán 1                      | Lê Công      | Nhàn     |            | 6      | 27     | A111  |         |
|     |            |       | 19810SP2  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 42  | MATH132401 | 12A   | 19842SP2L | Toán 1                      | Lê Công      | Nhàn     |            | 6      | 48     | A 209 |         |
| 43  | PHYS130902 | 01A   | 19445SP1  | Vật lý 1                    | Trần Thiện   | Huân     |            | 6      | 48     | A 210 |         |
|     |            |       | 19442SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19443SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19446SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
|     |            |       | 19447SP1  |                             |              |          |            |        |        |       |         |
| 44  | THER230232 | 02A   | 19847SP2C | Nhiệt động lực học kỹ thuật | Nguyễn Thành | Luân     |            | 6      | 34     | A 317 |         |



**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TỪ NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM | LỚP                    | TÊN MÔN THI                 | HỌ LÓT           | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P | PHÒNG | GHI CHÚ           |
|-----|------------|------|------------------------|-----------------------------|------------------|----------|------------|--------|--------|-------|-------------------|
| 45  | THER230232 | 02A  | 19847SP2L              | Nhiệt động lực học kỹ thuật | Nguyễn Thành     | Luân     |            | 6      | 21     | A 211 |                   |
| 46  | MATH132501 | 06A  | 19842SP2CA             | Toán 2                      | Nguyễn Minh      | Hải      | 11/02/2020 | 5      | 45     | A 210 |                   |
| 47  | MATH132501 | 06A  | 19842SP2CB             | Toán 2                      | Nguyễn Minh      | Hải      |            | 5      | 47     | A 209 |                   |
| 48  | MATH132501 | 07A  | 19843SP2CA             | Toán 2                      | Lai Văn          | Phút     |            | 5      | 32     | A 316 |                   |
| 49  | MATH132501 | 07A  | 19843SP2CB             | Toán 2                      | Lai Văn          | Phút     |            | 5      | 36     | A 111 |                   |
| 50  | MATH132501 | 07A  | 19843SP2L              | Toán 2                      | Lai Văn          | Phút     |            | 5      | 22     | A 211 |                   |
| 51  | WSSE221317 | 02A  | 19449SP1               | Cấp thoát nước              | Trần Tuấn        | Kiệt     |            |        | 19     |       |                   |
| 52  | ENGL223237 | 05A  | 19841SP2               | Anh văn 2                   | Lương Hữu        | Minh     |            | 6      | 38     | A 111 |                   |
|     |            |      | 19846SP2               |                             |                  |          |            |        |        |       |                   |
|     |            |      | 19847SP2L              |                             |                  |          |            |        |        |       |                   |
| 53  | AMEE142044 | 06A  | 19842SP2CA             | Toán ứng dụng cho kỹ sư     | Lê Hoàng         | Lâm      |            | 6      | 45     | A 209 | 19442SP1<br>Trả l |
| 54  | AMEE142044 | 06A  | 19842SP2CB             | Toán ứng dụng cho kỹ sư     | Lê Hoàng         | Lâm      |            | 6      | 48     | A 210 |                   |
| 55  | AMEE142044 | 05A  | 19842SP2L              | Toán ứng dụng cho kỹ sư     | Lê Hoàng         | Lâm      |            | 6      | 48     | A 211 |                   |
| 56  | STME240517 | 03A  | 19449SP1               | Cơ học kết cấu              | Lê Trung         | Kiên     | 11/02/2020 | 6      | 19     | A 316 |                   |
| 57  | ENGL230237 | 09A  | 19845SP2L              | Anh văn 2                   | Lâm Ngọc Minh    | Thùy     |            |        | 21     |       |                   |
| 58  | PHYS131002 | 05A  | 19842SP2CA             | Vật lý 2                    | Trần Thiện       | Huân     | 12/02/2020 | 5      | 45     | A 210 |                   |
| 59  | PHYS131002 | 05A  | 19842SP2CB             | Vật lý 2                    | Trần Thiện       | Huân     |            | 5      | 48     | A 209 |                   |
| 60  | MATH132501 | 08A  | 19845SP2CA             | Toán 2                      | Nguyễn           | Điệp     |            | 5      | 37     | A 211 |                   |
| 61  | MATH132501 | 08A  | 19845SP2CB             | Toán 2                      | Nguyễn           | Điệp     |            | 5      | 41     | A 111 |                   |
| 62  | 1004070    | 02A  | 19821SP2               | Anh văn                     | Lương Hữu        | Minh     |            | 5      | 20     | A 316 |                   |
| 63  | ENGL330337 | 10A  | 19843SP2CA             | Anh văn 3                   | Nguyễn Thị Tuyết | Hạnh     |            | 6      | 32     | A 316 |                   |
| 64  | ENGL330337 | 10A  | 19843SP2CB             | Anh văn 3                   | Nguyễn Thị Tuyết | Hạnh     |            | 6      | 36     | A 111 |                   |
| 65  | PHYS131002 | 06A  | 19845SP2CA             | Vật lý 2                    | Lê Sơn           | Hải      |            | 6      | 37     | A 209 |                   |
| 66  | PHYS131002 | 06A  | 19845SP2CB             | Vật lý 2                    | Lê Sơn           | Hải      |            | 6      | 41     | A 210 |                   |
| 67  | GCHE130603 | 07A  | 19845SP2L<br>19842SP2L | Hóa đại cương               | Huỳnh Ng. Anh    | Tuấn     | 13/02/2020 | 5      | 41     | A 316 |                   |



**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TU NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP       | NHÓM | LỚP                                                      | TÊN MÔN THI                          | HỌ LÓT           | TÊN CBGD | NGÀY THI   | CA THI | SLSV/P | PHÒNG | GHI CHÚ |
|-----|------------|------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|----------|------------|--------|--------|-------|---------|
| 68  | GCHE130603 | 01A  | 19442SP1<br>19443SP1<br>19445SP1<br>19446SP1<br>19447SP1 | Hóa đại cương                        | Huỳnh Ng. Anh    | Tuấn     |            | 5      | 48     | A 209 |         |
| 69  | GCHE130603 | 07A  | 19847SP2L                                                | Hóa đại cương                        | Huỳnh Ng. Anh    | Tuấn     |            | 5      | 48     | A 210 |         |
| 70  | MATH133101 | 02A  | 19845SP2CA                                               | Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1        | Ngô Hữu          | Tâm      |            | 5      | 37     | A 111 |         |
| 71  | MATH133101 | 02A  | 19845SP2CB                                               | Toán cao cấp dành cho kỹ sư 1        | Ngô Hữu          | Tâm      |            | 5      | 41     | A 211 |         |
| 72  | ENGL330337 | 12A  | 19825SP2C                                                | Anh văn 3                            | Nguyễn Thị Thanh | Nga      |            | 6      | 17     | A 209 |         |
| 73  | MATH143001 | 02A  | 19810SP2                                                 | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | Vũ Quốc          | Huy      |            | 28     |        |       |         |
| 74  | ENGL330337 | 12A  | 19847SP2C                                                | Anh văn 3                            | Nguyễn Thị Thanh | Nga      | 13/02/2020 | 6      | 34     | A 111 |         |
| 75  | THME230721 | 05A  | 19845SP2CA                                               | Cơ lý thuyết (Cơ khí) - ĐH-CD        | Đặng Thanh       | Tân      |            | 6      | 37     | A 317 |         |
| 76  | ICEP330330 | 04A  | 19445SP1                                                 | Nguyên lý động cơ đốt trong          | Lý Vĩnh          | Đạt      |            | 6      | 30     | A 210 |         |
| 77  | THME230721 | 05A  | 19845SP2CB                                               | Cơ lý thuyết (Cơ khí) - ĐH-CD        | Đặng Thanh       | Tân      |            | 6      | 41     | A 211 |         |
| 78  | FLUI220132 | 05A  | 19847SP2C                                                | Cơ học lưu chất ứng dụng             | Lại Hoài         | Nam      |            | 5      | 34     | A 211 |         |
| 79  | ENGL230237 | 06A  | 19542SP2<br>19543SP2                                     | Anh văn 2                            | Nguyễn Thị Ngọc  | Hà       |            | 5      | 39     | A 316 |         |
| 80  | ENGL230237 | 06A  | 19545SP2                                                 | Anh văn 2                            | Nguyễn Thị Ngọc  | Hà       | 14/02/2020 | 5      | 15     | A 111 |         |
| 81  | THME230721 | 01A  | 19445SP1                                                 | Cơ lý thuyết (Cơ khí) - ĐH,CD        | Nguyễn Hoàng     | Châu     |            | 5      | 30     | A 210 |         |
| 82  | BUSP221106 | 02A  | 19825SP2C                                                | Tâm lý học kinh doanh                | Hoàng Thị Thu    | Hiền     |            | 17     |        |       |         |
| 83  | PHYS131002 | 01A  | 19442SP1                                                 | Vật lý 2                             | Trần Hải         | Cát      |            | 5      | 60     | A 209 |         |

**LỊCH THI HỌC KÌ**  
**THI LAN 1 - HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2019 - 2020 (TU NGÀY 03-15/02/2020)**  
**GHI CHÚ: CA 5: Tập trung: 17H45 - CA 6: Tập trung: 19H00**

| STT | MLHP | NHÓM | LỚP | TÊN MÔN THI | HỌ LÓT | TÊN<br>CBGD | NGÀY THI | CA<br>THI | SLSV/P | PHÒNG | GHI<br>CHÚ |
|-----|------|------|-----|-------------|--------|-------------|----------|-----------|--------|-------|------------|
|-----|------|------|-----|-------------|--------|-------------|----------|-----------|--------|-------|------------|

**GHI CHÚ:** - Sinh viên nào không có tên trong danh sách thi vui lòng phản hồi cho P.ĐTKCQ trước kỳ thi 03 ngày.

- Khi đi thi sinh viên nhớ mang theo thẻ sinh viên hoặc chứng minh nhân dân.

- Những trường hợp nhận điểm I đợt thi trước liên hệ về Phòng ĐTKCQ trước kỳ thi ít nhất 03 ngày để phòng bố trí lịch thi trả điểm I.

Ngày 05 tháng 01 năm 2020

Người lập

Phòng Đào tạo Không chính quy



ThS. NGUYỄN THỊ KIM CÚC



LÊ THỊ TIÊN TRANG